TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAM RÔNG** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/DS-ST
Ngày: 22-9-2022
V/v: "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAM RÔNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Hà Hải Dương;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Siu H' Bing ;

2. Bà Nguyễn Thị Trang.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thanh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông K' Đào – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 49/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2021 về việc: "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXXST-DS ngày 05/9/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị V;

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Ông Hà Sơn B;

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Lại Đức D;

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Bà Lã Thị N;

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Bà Hà Thị Ly N;

Địa chỉ: 67 T, phường M, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà V, ông B, ông D, bà N có mặt, bà Ly N vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày: Ngày 06/12/2009, vợ chồng bà có nhận chuyển nhượng của ông Hà Sơn B (trú tại thôn T, xã Đ, huyện Đ) 01 lô đất tọa lạc tại thôn thôn T, xã Đ, huyện Đ thuộc thửa 665, tờ bản đồ số 16 có mặt tiếp giáp Quốc lộ 27 là 4,2 m, mặt tiếp giáp với đường đi xã Đ được chia đôi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với giá chuyển nhượng là 150.000.000 đồng. Các bên lập đơn xin sang nhượng đất, ông B ký và có Ủy ban nhân dân xã xác nhận nhưng ông D, bà V chưa ký vì cho rằng giấy tờ bản gốc đã cầm nên chưa cần thiết ký mà khi nào đi làm thủ tục thì ký sau. Khi nhận chuyển nhượng, hai bên đã tiến hành giao đất, giao tiền tuy nhiên không ra thực địa để chỉ ranh giới cũng như cắm mốc vì chỉ nhận chuyển nhượng trên giấy tờ, chỉ biết chiều ngang mặt đường Quốc lộ 27 là 4,2m, chiều sâu và chiều ngang mặt sau cụ thể bao nhiêu thì bà không biết, trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện diện tích lô đất là 150m^2, ông B chuyển nhượng cho vợ chồng ông, bà một nửa lô đất. Đến năm 2012, vợ chồng ông, bà tiến hành xây dựng 01 căn nhà cấp 4 trên diện tích đất đã nhận chuyển nhượng thì mới tiến hành đo theo mặt đường Quốc lộ 27 là 4,2m, mặt sau khoảng 4,5m. Vợ chồng bà có liên hệ địa chính xã để làm thủ tục tách sổ nhưng không đủ diện tích nên không tách được. Đến năm 2019, vợ chồng bà biết được có quy định mới là diện tích tối thiểu để tách sổ là 75m^2, lô đất ông, bà nhận chuyển nhượng đủ điều kiện tách sổ thì ông, bà liên hệ với ông B để làm thủ tục nhưng ông B không hợp tác, không đồng ý tách sổ cũng như không đồng ý cho ông, bà đồng sở hữu. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06/12/2009 giữa ông B với bà V, ông D, buộc ông B thực hiện nghĩa vụ hợp đồng làm thủ tục tách thửa, Trường hợp không đủ điều kiện tách thửa thì yêu cầu ông B phải làm thủ tục để bà V, ông D được đồng sở hữu với ông B. Ngoài ra, bà yêu cầu ông B phải trả lại phần đất đã lấn chiếm của ông, bà khoảng 05m^2 bởi vì trước đây thỏa thuận chia đôi lô đất nhưng phần diện tích đất thực tế đo vẽ nhà ông B lớn hơn so với diện tích nhà bà V. Việc diện tích lớn hơn là do trước đây bà V làm nhà chừa lại khoảng 20 cm để làm mương thoát nước nhưng sau này ông B làm nhà khoảng 3 năm lại đây thì làm luôn đến hết phần mương nước dẫn đến ông bà bị thiếu đất.

Bị đơn ông Hà Sơn B trình bày: Năm 2009, ông có làm đơn xin chuyển nhượng cho gia đình ông Lại Đức D, bà Nguyễn Thị V lô đất có kích thước theo chiều ngang Quốc lộ 27 là 4,2m thuộc thửa đất số 665, tờ bản đồ số 16 tại thôn T, xã Đ, huyện Đ, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông với giá chuyển nhượng là 150.000.000 đồng, các bên đã giao đất, giao tiền đầy đủ. Phần diện tích đất chuyển nhượng ông bàn giao cho ông D, bà V sử dụng từ năm 2009 đến nay

theo đúng thỏa thuận. Các bên đã gặp gỡ cơ quan chức năng có thẩm quyền để xin làm thủ tục tách thửa, sang nhượng theo quy định nhưng diện tích không đủ điều kiện tách thửa. Khi thống nhất làm đơn xin chuyển nhượng, ông D, bà V đã biết quy định pháp luật với phần diện tích này không đủ điều kiện tách thửa, chuyển nhượng. Nay bà V khởi kiện thì ông đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06/12/2009 giữa ông B với bà V, ông D nhưng chỉ đồng ý tách thửa trong trường hợp đủ điều kiện tách thửa theo quy định pháp luật. Nếu không đủ điều kiện thì ông không đồng ý cho ông D, bà V đồng sở hữu với ông. Ngoài ra ông B không đồng ý ông lấn chiếm của ông D, bà V diện tích khoảng 05m^2 vì các bên sử dụng đất ổn định từ thời điểm giao đất, thời điểm ông làm nhà năm 2013 và làm quán năm 2017 thì ông D, bà V đều không có ý kiến hay tranh chấp gì với ông. Ông không đồng ý với yêu cầu trả lại đất của bà V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lại Đức D trình bày: ông thống nhất với lời trình bày và ý kiến của bà V. Ông D cho rằng thời điểm ông B xây nhà, ông D có nói với ông B là chừa mương nước nhưng ông B vẫn xây lên trên phần mương nước này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lã Thị N trình bày: Việc ông B viết đơn xin sang nhượng đất cho bà V thì bản thân bà N không biết vì thời điểm đó (06 tháng 12 năm 2009) bà và em của ông B là bà Ly N đang làm việc ở tại thành phố Hồ Chí Minh. Khi viết đơn xin sang nhượng đất thì ông B không thông báo cho bà và bà không được ký vào tờ giấy đó. Khoảng thời gian năm 2012 thì bà N chuyển về cư trú tại thôn T, xã Đ cho đến nay. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà V thì bà N thống nhất với ý kiến của chồng bà là ông B.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị Ly N trình bày: Bà là em ruột của ông Hà Sơn B. Thời điểm tháng 12 năm 2007 thì bà có hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã Đ, huyện Đ. Việc ông B sang nhượng cho ông D, bà V ½ thửa đất số 665, tờ bản đồ số 16, xã Đ, huyện Đ thì bà không biết vì bà chuyển xuống thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2010. Từ đó đến nay thì ngày lễ, tết bà N có về nhà ông B thăm nhà và chơi nhưng không ở lâu. Trong vụ án này bà thống nhất với ý kiến của ông B và không có yêu cầu gì thêm.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa,

Bà Nguyễn Thị V và ông Lại Đức D yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06/12/2009 giữa ông B với bà V, ông D, buộc ông B thực hiện nghĩa vụ hợp đồng làm thủ tục tách thửa, trường hợp không đủ điều kiện tách thửa thì yêu cầu ông B phải làm thủ tục để bà V, ông D được đồng sở hữu với ông B. Ngoài ra, ông bà yêu cầu ông B phải trả lại phần đất đã

lấn chiếm của ông, bà khoảng 05m^2 bởi vì trước đây thỏa thuận chia đôi lô đất nhưng phần diện tích đất thực tế đo vẽ nhà ông B lớn hơn so với diện tích nhà bà Vy ông D.

Ông Hà Sơn B và bà Lã Thị N đồng ý công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06/12/2009 giữa ông B với bà V, ông D. Ông B, bà N không đồng ý ông B lấn chiếm của ông D, bà V diện tích khoảng 05m^2 vì các bên sử dụng đất ổn định từ thời điểm giao đất, thời điểm ông B làm nhà năm 2013 và làm quán năm 2017 thì ông D, bà V đều không có ý kiến hay tranh chấp gì với ông. Ông, bà không đồng ý với yêu cầu trả lại đất của bà V, ông D.

Bà Hà Thị Ly N vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, tại đơn xin vắng mặt bà Ly N trình bày thống nhất với quan điểm của ông B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, của Hội đồng xét xử, sự chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đầy đủ, đảm bảo quy định của pháp luật.

Về đường lối xử lý vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06/12/2009 giữa ông B với ông D, bà V. Ông D, bà V được quyền quản lý, sử dụng đất theo hiện trạng sử dụng.

Đình chỉ yêu cầu của bà V, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lại Đức D yêu cầu ông B phải trả lại phần đất đã lấn chiếm của ông, bà khoảng 05 m^2 thuộc thửa đất số 665, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Về chi phí tố tụng: Các đương sự phải chịu chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà V khởi kiện ông B yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06/12/2009 giữa ông B với vợ chồng bà V, ông D. Do vậy có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất". Phần đất các bên tranh chấp tọa lạc tại thôn T, xã Đ, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hà Thị Ly N có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên theo quy định Điều 228, Tòa án giải quyết vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trên theo thủ tục chung là phù hợp.

[3] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị V, bị đơn ông Hà Sơn B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lại Đức D đều thừa nhận vào năm 2009, ông Hà Sơn B có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (dưới hình thức đơn xin chuyển nhượng) với ông Lại Đức D, bà Nguyễn Thị V, theo đó, ông B chuyển nhượng cho ông D, bà V lô đất có kích thước theo chiều ngang Quốc lộ 27 là 4,2m thuộc thửa đất số 665, tờ bản đồ số 16 tại thôn T, xã Đ, huyện Đam Rông, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông B với giá chuyển nhượng là 150.000.000 đồng, các bên đã giao đất, giao tiền đầy đủ. Phần diện tích đất chuyển nhượng ông B bàn giao cho ông D, bà V sử dụng từ năm 2009 đến nay theo đúng thỏa thuận. Sự thừa nhận của các đương sự là những tình tiết, chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất:

[4.1] Hợp đồng được các bên lập dưới dạng đơn xin sang nhượng đất, ông B và người làm chứng ký, ông D bà V chưa ký nhưng giữ bản chính hợp đồng, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Đạ K' Nàng nhưng chưa được công chứng chứng thực theo quy định tại Điều 689 Bộ luật dân sự năm 2005. Việc ông D, bà V chưa ký vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất không làm thay đổi, ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các bên vì các bên vẫn tiến hành giao nhận tiền, đất và sử dụng ổn định. Như vậy có thể xác định hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các bên vi phạm về mặt hình thức theo quy định.

[4.2] Hợp đồng vi phạm về mặt hình thức (chưa được công chứng, chứng thực theo quy định), tuy nhiên các bên đã thực hiện hết nghĩa vụ của hợp đồng, đã giao nhận tiền, đất và sử dụng ổn định từ năm 2009 đến nay và bên bà V, ông D yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, theo quy định tại khoản 2 Điều 129, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 thì cần công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất các bên lập ngày 06/12/2009.

[5] Theo thỏa thuận trong hợp đồng, ông B chuyển nhượng cho ông Dưỡng, bà V lô đất có kích thước theo chiều ngang Quốc lộ 27 là 4,2m thuộc thửa đất số 665, tờ bản đồ số 16 tại thôn T, xã Đ, huyện Đam Rông. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông B đối với thửa đất 655 có diện tích 150m^2, kết quả đo vẽ thể hiện kích thước hiện nay của thửa đất có sự thay đổi nhưng các bên khẳng định sử dụng đúng hiện trạng và không có tranh chấp với các hộ ở thửa 662 và 664 tờ bản đồ số 16 liền kề. Như vậy có căn cứ để công nhận quyền sử dụng cho các bên với phần diện tích hiện tại các bên đang sử dụng theo họa đồ đo vẽ thực tế

ngày 23/6/2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Đam Rông, theo đó phần diện tích đất bà V, ông Dưỡng đang sử dụng có diện tích 162m^2 thuộc một phần thửa đất 665, tờ bản đồ số 16 tại thôn T, xã Đ, huyện Đam Rông (trong đó có 92m^2 thuộc LGGT). Đối với các công trình xây dựng, tài sản gắn liền với đất là tài sản do nguyên đơn tạo dựng sau khi nhận đất, bị đơn và các đương sự khác không có tranh chấp gì nên nguyên đơn được toàn quyền sở hữu tài sản trên.

[6] Bà V, ông D cho rằng trong quá trình sử dụng đất, ông B có hành vi lấn chiếm của ông bà diện tích đất khoảng 5m^2 bởi vì trước đây thỏa thuận chia đôi lô đất nhưng phần diện tích đất thực tế đo vẽ nhà ông B lớn hơn so với diện tích nhà bà V. Việc diện tích lớn hơn là do trước đây bà V làm nhà chừa lại khoảng 20 cm để làm mương thoát nước nhưng sau này ông B làm nhà khoảng 3 năm lại đây thì làm luôn đến hết phần mương nước dẫn đến ông bà bị thiếu đất, bà V, ông D yêu cầu ông B phải trả lại phần đất này. Tòa án đã thông báo để bà V, ông D làm thủ tục khởi kiện bổ sung theo quy định nhưng ông, bà không thực hiện và đối với tranh chấp quyền sử dụng đất phải được hòa giải tại cơ sở theo quy định Điều 203 Luật đất đai năm 2013, tuy nhiên phần tranh chấp 05m^2 này chưa được hòa giải cơ sở, do vậy đối với yêu cầu này là chưa đủ điều kiện khởi kiện nên cần đình chỉ giải quyết yêu cầu này và giành quyền khởi kiện lại cho bà V, ông D khi có yêu cầu.

[7] *Về chi phí tố tụng:* Tổng số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ là 3.439.000 đồng, do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên đáng lẽ bà V không phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ. Tại phiên tòa, bà V tự nguyện chịu ½ chi phí là 1.719.500 đồng, ông B có trách nhiệm thanh toán lại cho bà Vy số tiền 1.719.500 đồng.

[8] *Về án phí:* Ông B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 192, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 688, Điều 689 , Điều 697 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 129, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 105, Điều 106 Luật đất đai năm 2003;

- Căn cứ Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị V, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lại Đức D về việc khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" với ông Hà Sơn B.

Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Hà Sơn B với vợ chồng bà Nguyễn Thị V, ông Lại Đức D theo đơn xin sang nhượng đất ngày 06/12/2009.

Bà Nguyễn Thị V, ông Lại Đức D được quyền quản lý, sử dụng 162 m^2 đất thuộc một phần thửa đất số 665, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại thôn T, xã Đ, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng (Trong đó có 92m^2 thuộc LGGT) có tứ cận như sau: Mặt trước giáp QL 27, mặt sau giáp đường DT – 724, một bên giáp thửa đất 662, một bên giáp phần thửa 665 do ông Hà Sơn B đang quản lý sử dụng. (Có họa đồ kèm theo). Việc quản lý sử dụng đất thuộc LGGT thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan. Đối với các công trình xây dựng, tài sản gắn liền với đất là tài sản do nguyên đơn tạo dựng sau khi nhận đất, bị đơn và các đương sự khác không có tranh chấp gì nên nguyên đơn được toàn quyền sở hữu tài sản trên.

Bà Nguyễn Thị V, ông Lại Đức D, ông Hà Sơn B có trách nhiệm liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được điều chỉnh, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị V, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lại Đức D yêu cầu ông B phải trả lại phần đất đã lấn chiếm của ông, bà khoảng 05m^2 thuộc thửa đất số 665, tờ bản đồ số 16, tọa lạc tại thôn Trung Tâm, xã Đạ K' Nàng, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

3. *Về chi phí tố tụng*: Tổng số tiền chi phí đo vẽ, xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.439.000 đồng, bà Nguyễn Thị V nhận chịu 1.719.500 đồng (một triệu bảy trăm mười chín ngàn năm trăm). Ông Hà Sơn B có trách nhiệm thanh toán lại cho bà Nguyễn Thị V số tiền 1.719.500 đồng (một triệu bảy trăm mười chín ngàn năm trăm).

4. *Về án phí*:

Ông Hà Sơn B chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị V số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006086 ngày 06/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đam Rông.

5. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (22/9/2022). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đam Rông;
- Chi cục THADS huyện Đam Rông;
- Các đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Hà Hải Dương